

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 13 - PHÚ THỌ
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2026/HS-ST
Ngày: 11-3-2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 – PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Chu Thị Lan Anh**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Mai Hoa** và ông **Trần Ánh Hồng**

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Lợi - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 13 - Phú Thọ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 - Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà **Chu Thị Mai Phương** - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 03 năm 2026 tại trụ sở Chi nhánh Tòa án nhân dân khu vực 13 - Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 12/2026/TLST-HS ngày 06 tháng 02 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2026/QĐXXST - HS ngày 25 tháng 02 năm 2026; đối với bị cáo:

Họ và tên: Lý Thị N; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; Sinh ngày: 07/02/1986 tại Tuyên Quang; ĐKKHKT: thôn T, xã P, tỉnh Tuyên Quang; Tạm trú và nơi ở: thôn C, xã L, tỉnh Phú Thọ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Lý Quang T (đã chết) và bà Ninh Thị V, sinh năm 1956; Chồng: Lê Văn T1, sinh năm 1986; Con: có 03 con, lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2025. Bị cáo là con thứ 7 trong gia đình có 7 anh chị em.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bản án hình sự sơ thẩm số 145 ngày 19/12/2014 của Tòa án nhân dân quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội xử bị cáo 8 tháng tù giam về tội: “Môi giới mại dâm” theo quy định tại khoản 1, điều 255 của Bộ luật Hình sự 1999. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù giam ngày 04/10/2020. Ngày 19/12/2014, bị cáo chấp hành phần án phí hình sự sơ thẩm tại chi cục thi hành án dân sự quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 1, thành phố Hà Nội).

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Nguyễn Thị H, sinh ngày 22/6/1981; HKTT: Thôn L, xã K, tỉnh Lào Cai. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Anh Quách Văn T2, sinh ngày 29 tháng 08 năm 1989; HKTT: Thôn T, xã A, tỉnh Phú Thọ. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Chị Mai Thị T3, sinh ngày 01/12/1971; HKTT: Thôn C, xã L, tỉnh Phú Thọ. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 08 tháng 10 năm 2025, Quách Văn T2 (SN1989; trú tại thôn T, xã A, tỉnh Phú Thọ) đến quán T4 của Lý Thị N ở thôn C, xã L, tỉnh Phú Thọ để hỏi mua dâm. Niên đưa giá bán dâm một lần là 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng), bảo T2 đưa tiền cho gái bán dâm, T2 đồng ý. N bảo T2 đi vào phòng tắm quất số 3, từ cửa vào, có gái bán dâm ở sẵn trong đó. Theo sắp xếp của N, T2 vào phòng số 3, gặp và đưa 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) cho Nguyễn Thị H (SN 1981; trú tại thôn L, xã K, tỉnh Lào Cai), H đưa một bao cao su do Lý Thị N đã chuẩn bị trước cho T2 sử dụng. Khi T2 và H đang quan hệ tình dục thì bị lực lượng chức năng kiểm tra, xử lý. Ngày 09/10/2025, Lý Thị N ra đầu thú khai nhận hành vi phạm tội.

Trong quá trình điều tra, bị cáo Lý Thị N và Nguyễn Thị H đều khai nhận: Đầu tháng 10 năm 2025, Nguyễn Thị H đến gặp xin việc tại quán của N, giữa N và H thỏa thuận cho H ở lại quán và ngủ tại phòng số 3 và trong khi làm tắm quất, khách có nhu cầu mua dâm thì bán với giá 300.000 đồng/01 lần, H nhận tiền của khách sau đó chia cho N một nửa.

Tại Cơ quan điều tra Công an tỉnh P và tại phiên tòa Lý Thị N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình

*** Vật chứng vụ án:** Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh P đã thu giữ:

- 01 vỏ, ruột bao cao su đã qua sử dụng
- Tiền mặt 300.000 đồng. (Ba trăm nghìn đồng) là tiền bán dâm.

Số vật chứng nêu trên hiện đang lưu giữ tại Phòng thi hành án số 13 Phú Thọ

Cáo trạng số 43/CT - VKSKV13 ngày 06/02/2026 của Viện kiểm sát nhân khu vực 13 - Phú Thọ truy tố bị cáo Lý Thị N về tội “ Chứa mại dâm ” theo quy định tại khoản 1 Điều 327 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 - Phú Thọ giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Lý Thị N về tội “ Chứa mại dâm ” như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 327 ; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt Lý Thị N từ 18 đến 24 tháng tù về tội “ *Chứa mại dâm* ”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án hoặc tự nguyện thi hành án.

*** *Vật chứng vụ án*:** Căn cứ điểm a, điểm b khoản Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tiêu hủy đối với 01 vỏ, ruột bao cao su đã qua sử dụng, tuyên tịch thu sung Ngân sách nhà nước đối với số tiền 300.000 đồng. (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền thu nhập bất chính.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo Lý Thị N không có tranh luận gì, lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của Kiểm sát viên, của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Tội phạm xảy ra tại thôn C, xã L, tỉnh Phú Thọ, bị cáo bị truy tố theo khoản 1 Điều 327 Bộ luật hình sự có mức cao nhất của khung hình phạt là 05 năm, theo quy định tại Điều 268, 269 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025 là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 13 - Phú Thọ.

Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an tỉnh P, của Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 - Phú Thọ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về tội danh điều luật áp dụng: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 21 giờ ngày 08 tháng 10 năm 2025, tại quán T4 ở thôn C, xã L, tỉnh Phú Thọ, Lý Thị N đã bố trí, sắp xếp cho Quách Văn T2 và Nguyễn Thị H mua bán dâm tại quán của mình với giá 300.000 đồng nhằm thu lợi bất chính 150.000 đồng. Như vậy HĐXX có đủ cơ sở để xác định hành vi, ý thức của Lý Thị N đủ yếu tố cấu thành tội “ *Chứa mại dâm*” theo quy định tại khoản 1 Điều 327 Bộ luật hình sự.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 - Phú Thọ truy tố bị cáo Lý Thị N theo quy định tại khoản 1 Điều 327 Bộ luật hình sự là có căn cứ đảm bảo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Đối với chị Mai Thị T3, sinh ngày 01/12/1971; HKTT: Thôn C, xã L, tỉnh Phú Thọ là chủ sở hữu mặt bằng nơi quán T4, địa chỉ Thôn C, xã L, tỉnh Phú Thọ hoạt động. Tuy nhiên chị T3 đã cho Lý Thị N thuê nhà để sinh sống, tắm quất massage theo Hợp đồng thuê nhà ngày 19/6/2025. Chị T3 không biết việc N nuôi gái bán dâm để bán dâm cho khách cũng không được lợi gì nên không đồng phạm với N về hành vi chứa mại dâm.

Đối với Nguyễn Thị H, sinh ngày 22/6/1981; HKTT: Thôn L, xã K, tỉnh Lào Cai đã có hành vi bán dâm. Ngày 06/11/2025 Công an tỉnh P đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 247/QĐ - XPHC ngày 06/11/2025 về hành vi bán dâm bằng hình thức phạt tiền với mức phạt 400.000 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 25, Nghị định 144/2021/NĐ - CP ngày 31/12/2021 là phù hợp.

Đối với Quách Văn T2, sinh ngày 29 tháng 08 năm 1989; HKTT: Thôn T, xã A, tỉnh Phú Thọ đã có hành vi mua dâm. Ngày 06/11/2025 Công an tỉnh P đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 248/QĐ - XPHC ngày 06/11/2025 về hành vi mua dâm bằng hình thức phạt tiền với mức phạt 1.500.000 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 24, Nghị định 144/2021/NĐ - CP ngày 31/12/2021 là phù hợp.

[2.2]. Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng đối với hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, xâm phạm đạo đức xã hội và là nguyên nhân làm lây truyền các loại vi rút gây bệnh nguy hiểm, gây dư luận xấu trên địa bàn. Tội phạm này được quy định nhằm đấu tranh với một trong các tệ nạn xã hội nghiêm trọng là mại dâm và để bảo vệ trật tự xã hội, sức khỏe của nhân dân, xây dựng nếp sống văn minh, lành mạnh. Do đó nên cần phải xử lý nghiêm, áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo nhằm cải tạo giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm chung

[2.3]. Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đối với bị cáo thì thấy:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo N không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; Bị cáo đầu thú. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo là người tàn tật mồm cụt 1/3 dưới cằm tay trái, mồm cụt 1/3 dưới cằm chân trái đã lắp chân giả. Bị cáo đang nuôi con nhỏ 14 tháng tuổi.

Từ những đánh giá nêu trên, căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải cách ly bị cáo Lý Thị N ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định theo quy định tại Điều 38 Bộ luật hình sự mới đủ để giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

Về hình phạt bổ sung: không áp dụng do bị cáo N có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, hiện đang nuôi con nhỏ.

[3]. Về vật chứng:

- 01 vỏ, ruột bao cao su đã qua sử dụng, không có giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tiền mặt 300.000 đồng. (*Ba trăm nghìn đồng*) là tiền bán dâm cần tịch thu sung quỹ Nhà nước theo quy định tại Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[4]. Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo Lý Thị N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 327; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 268, Điều 269, Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Lý Thị N phạm tội “Chứa mại dâm”

Xử phạt bị cáo Lý Thị N 18 (Mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án hoặc tự nguyện thi hành án.

2. Vật chứng vụ án:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 vỏ, ruột bao cao su đã qua sử dụng.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: tiền mặt 300.000 đồng. (*Ba trăm nghìn đồng*)

Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 05/3/2026 giữa CQĐT công an tỉnh P với Phòng thi hành án dân sự khu vực 13 - Phú Thọ.

3. Về án phí: Bị cáo Lý Thị N phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND tỉnh Phú Thọ ;
- Sở Tư pháp Phú Thọ;
- VKSND khu vực 13 – Phú Thọ;
- Phòng THADS 13 – Phú Thọ;
- THA. Hình sự;
- Bị cáo;
- Lưu HS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Chu Thị Lan Anh

